

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẦN VĂN THỜI
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 90/2023/HNGĐ-ST
Ngày 31-3-2023
“V/v tranh chấp ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Len
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Huỳnh Hường
Bà Nguyễn Kim Len

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Trịnh Nga Muội - Là Thư ký Toà án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Ngày 31 tháng 3 năm 2023 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 165/2023/TLST-HNGĐ ngày 07/3/2023 về việc “*Tranh chấp ly hôn*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 118/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 24/3/2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị M, sinh năm 1980 (xin vắng mặt)
Địa chỉ: Ấp S, xã K, huyện T, tỉnh C
- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn N, sinh năm 1976 (xin vắng mặt)
Địa chỉ: Ấp S, xã K, huyện T, tỉnh C

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Tại đơn khởi kiện ngày 07/3/2023 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị M trình bày:*

Về hôn nhân: Chị và anh M chung sống với nhau không có đăng ký kết hôn. Vợ chồng có ba người con chung: Cháu Nguyễn Tuấn A sinh năm 1999, cháu Nguyễn Tuấn M sinh năm 2006 và Nguyễn Tuấn A1 sinh năm 2009. Cháu Nguyễn Tuấn A đã trưởng thành, cháu M, cháu A1 đang sống với chị, khi ly hôn chị yêu cầu nuôi cháu M và cháu A1 không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

Nguyên nhân mâu thuẫn: Trong quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, chị xét thấy không còn tình cảm với anh N, mối quan hệ hôn nhân không đạt được chị yêu cầu ly hôn với anh N.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do điều kiện đi lại khó khăn chị đề nghị Tòa án tiến hành các thủ tục tố tụng vắng mặt chị, đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt chị tại các phiên tòa sơ thẩm.

Bị đơn anh Nguyễn Văn N trình bày: Về hôn nhân và con như chị M trình bày là đúng.

Nguyên nhân mâu thuẫn: Trong quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, bất đồng quan điểm trong cuộc sống thời gian kéo dài, chị M yêu cầu ly hôn anh đồng ý.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về con chung: Theo nguyện vọng của các con ở với ai thì người đó nuôi. Không phải cấp dưỡng nuôi con.

Do điều kiện đi lại khó khăn anh đề nghị Tòa án tiến hành các thủ tục tố tụng vắng mặt anh, đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt anh tại các phiên tòa sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: *Xét về thẩm quyền và quan hệ pháp luật tranh chấp:* Chị Nguyễn Thị M khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Văn N, anh N có nơi cư trú tại huyện Trần Văn Thời, do đó xác định mối quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự về việc “*Tranh chấp ly hôn*” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vắng mặt đương sự: Chị Nguyễn Thị M và anh Nguyễn Văn N có yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các đương sự trên là đúng quy định.

[2] Về nội dung:

[2.1] *Xét về yêu cầu ly hôn:* Chị M và anh N chung sống với nhau như vợ chồng và không có đăng ký kết hôn, do đó hôn nhân của anh chị không hợp pháp theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình. Chị M, anh N xác định trong quá trình chung sống có nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, chị M yêu cầu được ly hôn với anh N, anh N đồng ý. Hội đồng xét xử thấy rằng chị M và anh N chung sống với nhau không có đăng ký kết hôn nên không làm phát sinh quyền và nghĩa của vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình. Do đó không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị M và anh Nguyễn Văn N.

[2.2] *Xét về con chung, cấp dưỡng:* Chị M và anh N có ba người con chung cháu Nguyễn Tuấn A sinh năm 1999, cháu Nguyễn Tuấn M sinh ngày 09/10/2006 và Nguyễn Tuấn A1 sinh ngày 14/4/2009, hiện tại cháu A đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét. Đối với cháu Nguyễn Tuấn M sinh ngày 09/10/2006 và Nguyễn Tuấn A1 sinh ngày 14/4/2009. Theo ý kiến trình bày của cháu M, cháu A1 ngày 29/3/2023, ý kiến của các cháu khi cha mẹ các cháu ly hôn thì nguyện vọng của các cháu là được sống với mẹ

(Nguyễn Thị M). Hiện tại cháu M, cháu A1 đang sống với chị M. Để không làm xáo trộn cuộc sống của các cháu cũng như theo nguyện vọng của các cháu. Hội đồng xét xử tiếp tục giao cháu Nguyễn Tuấn M sinh ngày 09/10/2006 và Nguyễn Tuấn A1 sinh ngày 14/4/2009 cho chị M nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi, anh N không trực tiếp nuôi con có quyền đến thăm nom chăm sóc con chung không ai được cản trở anh N thực hiện quyền này.

Cấp dưỡng nuôi con chị M không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[2.3] Về tài sản, nợ: Chị M, anh N không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3] *Xét về án phí*: Chị M là người yêu cầu nên phải chịu án phí hôn nhân và gia đình là 300.000 đồng theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 9, 14, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị M và anh Nguyễn Văn N.

Con chung: Tiếp tục giao cháu Nguyễn Tuấn M, sinh ngày 09/10/2006 và Nguyễn Tuấn A1, sinh ngày 14/4/2009 cho chị Nguyễn Thị M nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi, anh Nguyễn Văn N không trực tiếp nuôi con có quyền đến thăm nom chăm sóc con chung không ai được cản trở anh N thực hiện quyền này.

2. Về án phí sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị M phải chịu án phí hôn nhân và gia đình là 300.000 đồng. Ngày 07/3/2023 chị M đã dự nộp tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án 300.000 đồng theo biên lai số 0006309 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau, nay được chuyển thu đối trừ.

3. Án sơ thẩm xét xử công khai: Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định của pháp luật. Viện kiểm sát quyền kháng nghị theo quy định.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND H. Trần Văn Thời;
- Chi cục THADS H. Trần Văn Thời;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Len

